TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HSST
Ngày 06-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đình La.
Bà Hoàng Thị Hanh.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín, Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo: **Phạm Ngọc L**, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1950 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 02 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2012/HSST ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện TD xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tháng 12/2012, thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Ngày 27/5/2013, chấp hành xong hình phạt tù. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2014/HSST ngày 10/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố VY xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tháng 4/2014 thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, chưa thi hành hình phạt bổ sung là 5.000.000 đồng. Ngày 22/5/2016, chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55 ngày 04/8/2017 của Công an huyện TD xử phạt Phạm Ngọc L số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Ngày 13/9/2017, Phạm Ngọc L thi hành xong.

Bị tạm giữ ngày 21/4/2018 đến ngày 30/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

Bị hại: Anh Phạm Đức L1, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Bích Đ, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 4, phường TT, khu đô thị ĐS, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

2. Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1950.

3. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958.

Đều cư trú: Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14h00 ngày 28/10/2017, Phạm Ngọc L sau khi đi ăn cưới nhà họ hàng ở cùng tổ dân phố trở về nhà mình, khi về nhà có anh Phạm Đức L1 anh trai ruột L đang ở nhà. L đi tắm rồi đi ngủ. Khoảng 17h00 cùng ngày, khi L ngủ dậy, lợi dụng không có ai ở nhà, L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân. L vào phòng ngủ của mẹ đẻ là bà Phan Thị Đ, phòng có khóa cửa nhưng khóa chưa hết. Tại đây, L thấy trong phòng bà Đ có chiếc két sắt màu xanh đã khóa mật mã. L quay mặt trước chiếc két sắt vào tường. Rồi L đi xuống bếp của gia đình lấy 01 chiếc búa, 01 chiếc kìm lên để phá mặt sau chiếc két. Sau khi phá được mặt sau của chiếc két sắt, L thò tay vào ngăn trên của chiếc két, lấy một hộp kim loại bên trong có 05 - 06 chiếc hộp nhựa màu đỏ đựng một số chiếc nhẫn tròn có tổng trọng lượng 13 chỉ vàng 9999 trong đó có 06 chỉ vàng 9999 là số vàng chị Phạm Thị Bích Đ chị gái anh Phạm Đức L1 cho anh L1 vay, 01 chiếc nhẫn tròn vàng tây mặt đá, trong nhẫn có chữ QPB là nhẫn cưới của anh L1, số tiền 1.500.000 đồng và 01 sổ hộ khẩu ghi tên chủ hộ bà Phan Thị Đ. L lấy vàng, tiền và sổ hộ khẩu đúc vào túi quần rồi khóa lại cửa phòng bà Đ như ban đầu. L ra ngoài phòng khách của gia đình lấy phong bì thư, dùng bút bi màu đen viết các dòng chữ, ghi vào mặt trước phong bì thư *"em L em sẽ trả trong 2 tháng*", ghi vào mặt sau phong bì thư "*em xin lỗi em vay ít vàng. ít nữa em trả anh chị luôn. e hứa sẽ trả. e cần có việc gấp. sổ hộ khẩu mai em gửi về"*. Rồi L đẩy phong bì thư đã viết các dòng chữ qua khe cửa vào phòng bà Đ. Sau đó, L bắt taxi xuống một cửa hàng vàng ở thành phố VY L không biết tên, địa chỉ bán 06 chỉ vàng 9999 được 18.000.000 đồng, rồi đi taxi về một nhà nghỉ ở thành phố VY nghỉ, L dùng số tiền 1.500.000 đồng vừa trộm cắp của anh L1 để trả tiền taxi. Khoảng 03 ngày sau, L cầm chiếc nhẫn vàng tây, có mặt đá, trong nhẫn có chữ QPB và sổ hộ khẩu rồi gọi taxi đi đến Công ty ShiWon

khu công nghiệp KQ, thành phố VY, L nhờ người đàn ông lái xe taxi gọi điện thoại cho anh L1 và tự xưng là bạn của L gửi lại nhẫn cưới và sổ hộ khẩu, anh L1 không nghỉ làm ra nhận được nên L đã bảo người đàn ông lái taxi gửi bảo vệ công ty ShiWon. Sau khi tan làm, anh L1 đã ra gặp bảo vệ công ty và nhận lại tài sản. Ngày hôm sau, L tiếp tục đi bán 07 chỉ vàng 9999 còn lại được 21.000.000 đồng. Rồi L bỏ trốn xuống thành phố Hà Nội đến ngày 21/4/2018 ra đầu thú tại Công an phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Toàn bộ số tiền bán 13 chỉ vàng và số tiền 1.500.000 đồng Phạm Ngọc L đã chi tiêu cá nhân hết. Do L không nhớ địa chỉ cụ thể cửa hàng L đã bán vàng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TD không tiến hành thu hồi được 13 chỉ vàng.

Tại Bản kết luận định giá số 61 ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TD kết luận: 13 chỉ vàng 9999 x 3.460.000 đồng/chỉ = 44.980.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1503 ngày 13/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ viết trong phong bì thư ký hiệu A1 so với chữ viết của Phạm Ngọc L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận số 14 ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TD kết luận 01 chiếc nhẫn tròn vàng tây có giá 485.000đ.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra xác định, anh Phạm Đức L1 là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc búa chuôi bằng tre, lưỡi búa bằng kim loại; 01 kìm bằng kim loại; 01 hộp nhựa màu đỏ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng tây có chữ QPB và 01 sổ hộ khẩu. Ngày 14/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TD đã trả lại cho anh Phạm Đức L1. Sau đó, anh L1 đã trả lại hộ khẩu cho bà Phan Thị Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo L và anh Phạm Đức L1 xác nhận bị cáo L đã bồi thường thiệt hại cho anh L1 15.000.000 đồng tương đương với trị giá 05 chỉ vàng 9999. Nay anh L1 không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho anh trị giá chiếc két sắt bị cáo L đã phá hỏng, trị giá 08 chỉ vàng 9999 còn lại và số tiền 1.500.000 đồng. Anh L1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSTD ngày 01/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Phạm Ngọc L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/4/2018 đến ngày 30/4/2018.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không cần áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Đức L1 01 chiếc búa chuôi bằng tre, lưỡi búa bằng kim loại; 01 kìm bằng kim loại; 01 hộp nhựa màu đỏ có đựng 01 chiếc nhẫn tròn là vàng tây có chữ QPB, 01 sổ hộ khẩu và bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Đức L1 15.000.000 đồng tương đương với trị giá 05 chỉ vàng 9999 là hợp pháp. Anh L1 không yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc L phải bồi thường cho anh chiếc két sắt màu xanh bị cáo L phá hỏng, trị giá 08 chỉ vàng 9999 còn lại và số tiền 1.500.000 đồng là tự nguyện.

Bị cáo Phạm Ngọc L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà và trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 17h00 ngày 28/10/2017 tại gia đình anh Phạm Đức L1 ở tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện TD, Phạm Ngọc L đã có hành vi dùng búa, kìm phá két đựng tài sản của anh L1 để chiếm đoạt của anh L1 13 chỉ vàng 9999 là nhẫn tròn, 01 chỉ vàng tây là nhẫn tròn và số tiền 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 46.965.000 đồng.

Hành vi của Phạm Ngọc L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điều 138 quy định:

"…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

….

c) Tái phạm nguy hiểm;”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường bất chấp pháp luật, trộm cắp tài sản của người thân trong gia đình giữa ban ngày, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng không ít đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật nghêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội sau ra đầu thú, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án đã tái phạm chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo; bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Điều này chứng tỏ bị cáo coi thường, bất chấp pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này, còn có người đàn ông lái xe taxi chở L đi tiêu thụ tài sản do L trộm cắp được mà có. Tuy nhiên, do L không nhớ được đặc điểm, địa chỉ của người lái xe taxi. Khi chở L đi bán vàng, L không cho biết hành vi phạm tội của mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra xem xét với người đàn ông lái xe taxi là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên không cần áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Việc cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Đức L1 01 chiếc búa chuôi bằng tre, lưỡi búa bằng kim loại; 01 kìm bằng kim loại; 01 hộp nhựa màu đỏ, 01 chiếc nhẫn tròn vàng tây có chữ QPB, 01 sổ hộ khẩu và bị cáo L đã bồi thường thiệt hại cho anh L1 15.000.000 đồng tương đương với trị giá 05 chỉ vàng 9999 là hợp pháp. Anh L1 không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho anh trị giá chiếc két sắt bị cáo L đã phá hỏng, trị giá 08 chỉ vàng 9999 còn lại và số tiền 1.500.000 đồng là tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật; đề nghị của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Phạm Ngọc L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/4/2018 đến ngày 30/4/2018.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí toà án, bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Tiến Dũng